

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2023/DS-ST
Ngày 13-6-2023.
V/v tranh chấp hội và tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Văn Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:**
Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp hội và tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2023/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị T, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:**

1. Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

2. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày: Bà có tham gia hội do

vợ chồng bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T làm chủ, hụi 1.000.000 đồng, mở vào năm 2013 bà không còn giữ giấy hụi nên không còn nhớ ngày tháng cụ thể, mỗi tháng khui 01 lần, bà có tham gia 01 chung. Sau khi bà đóng hụi được 19 lần nhưng chưa hốt hụi thì bà N và ông T tuyên bố đình hụi nhưng không trả cho bà số tiền 19 lần hụi đã đóng vào là 19.000.000 đồng. Ngoài ra, đến năm 2014 bà có cho bà N và ông T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là thỏa thuận là 1.000.000 đồng/01 tháng và trong thời hạn 01 tháng thì bà N và ông T sẽ trả lại tiền cho bà nhưng sau khi vay thì bà N và ông T chỉ có đóng lãi cho bà được 03 tháng với số tiền 3.000.000 đồng thì không đóng lãi cũng như trả vốn. Sau đó, đến ngày 02/3/2021 âm lịch thì bà N và ông T có ký tên vào “Giấy thiếu tiền hụi” thừa nhận còn nợ bà tổng số tiền của 02 khoản là 39.000.000 đồng, đồng ý mỗi tháng trả cho bà số tiền 500.000 đồng và sau đó bà N và ông T có trả nhiều lần, trong đó ngày 02/3/2021 trả 500.000 đồng, ngày 17/4/2021 trả 500.000 đồng, ngày 15/5/2021 trả 500.000 đồng, ngày 15/6/2021 trả 500.000 đồng, ngày 15/11/2021 trả 500.000 đồng, ngày 15/12/2021 trả 500.000 đồng, ngày 15/01/2022 trả 500.000 đồng, ngày 15/3/2022 trả 500.000 đồng, ngày 15/4/2022 trả 500.000 đồng, ngày 15/5/2022 trả 500.000 đồng, ngày 15/6/2022 trả 1.000.000 đồng và ngày 15/9/2022 trả 1.000.000 đồng, tổng cộng đã trả được số tiền 7.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 32.000.000 đồng đến nay không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ và tiền vốn vay còn nợ tổng cộng là 32.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Đinh Thị T.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 và 471 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T, buộc bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T liên đới trả cho bà Đinh Thị T số tiền còn nợ là 32.000.000 đồng. Đồng thời, buộc bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc bà Đinh Thị T khởi kiện bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T trả số tiền hụi và tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T cư trú tại ấp B, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà

Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp, bà Đinh Thị T cho rằng vào năm 2013 bà T có tham gia hội 1.000.000 đồng do vợ chồng bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T làm chủ, bà T có tham gia 01 chung. Sau khi bà T đóng hội được 19 lần nhưng chưa hết hội thì bà N và ông T tuyên bố đình hội nhưng không trả cho bà T số tiền 19 lần hội đã đóng vào là 19.000.000 đồng. Ngoài ra, đến năm 2014 bà T có cho bà N và ông T vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận 01 tháng sẽ trả lại nhưng bà N và ông T không trả, tổng cộng bà N và ông T còn nợ bà T số tiền 39.000.000 đồng nhưng sau đó bà N và ông T có trả cho bà T nhiều lần nên đã trả được số tiền 7.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền 32.000.000 đồng. Từ đó, bà T yêu cầu giải quyết buộc bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T liên đới trả số tiền hội và tiền vốn vay còn nợ là 32.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T có cung cấp cho Tòa án một “Giấy thiếu tiền hội” vào ngày 02/3/2021 âm lịch giữa bà Đinh Thị T với bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T thể hiện bà N và ông T còn nợ bà T số tiền hội và tiền vay tổng cộng là 39.000.000 đồng. Bà T xác định bà N và ông T có trả cho bà T nhiều lần được số tiền 7.000.000 đồng nên còn nợ lại 32.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T không có ý kiến phản đối về nội dung khởi kiện và chứng cứ do bà Đinh Thị T cung cấp nên có đủ cơ sở xác định bà N và ông T còn nợ bà T số tiền hội và tiền vốn vay là 32.000.000 đồng. Do bà N và ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên buộc bà N và ông T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho bà T.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T, buộc bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T liên đới trả cho bà Đinh T số tiền còn nợ là 32.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận nên bà N và ông T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466 và 471 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T. Buộc bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T liên đới trả cho bà Đinh Thị T số tiền còn nợ là 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Trịnh Thị N và ông Đỗ Văn T phải chịu số tiền 1.600.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ